

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN



Khuyến nghị: Giữ

Giá mục tiêu: VND 14.500

Mã chứng khoán	BCC
Sàn	HASTC
Ngành nghề	VẬT LIỆU XÂY DỰNG – XI MĂNG

DỰ BÁO VÀ ĐỊNH GIÁ

Khoản mục	2008	Q1'09	2009F
Doanh thu (tr. VND)	1.936.157	560.004	2.373.048
Giá vốn hàng bán (tr.VND)	1.546.589	437.109	1.871.674
Tỷ suất LNG (%)	20%	22%	21%
Lợi nhuận ròng (tr. VND)	216.011	75.272	156.388
Khối lượng CP LH	95.661.397	95.661.397	95.661.397
EPS (VND)	2.258	787	1.635
BVPS (VND)	12.349	12.349	13.197
ROE (%)	19,5%		12,8%
P/E	5,0		8,69
P/B	0,9		1,1
Cổ tức	10%		10%

Nguồn: HBBS data

THỐNG KÊ SỐ LIỆU GIAO DỊCH

Các khoản mục	
Dao động giá 52 tuần (VND)	9.400 – 24.800
KLGD trung bình 30 ngày (CP)	828.843
KLGD trung bình 3 tháng (CP)	824.982
Giá trị vốn hóa (Tr.VND)	1.358.392

Nguồn: Hsx, HBBS data ngày 20/05/2009

Năm 2009 BCC đặt kế hoạch VND2.383,65 tỷ doanh thu và VND142,5 tỷ lợi nhuận sau thuế. Hết quý 1, công ty đã hoàn thành 23,5% kế hoạch doanh thu và 52,8% kế hoạch lợi nhuận năm. Tính đến hết ngày 13/05/2009, Bỉm Sơn đã tiêu thụ 1.105.000 tấn, hoàn thành 37% kế hoạch năm (3 triệu tấn). Các khoản lỗ tỷ giá (gồm -VND138,6 tỷ năm 2008 và lỗ/lãi tỷ giá năm 2009) sẽ không ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của công ty do được hạch toán dần trong 5 năm kể từ khi dự án hoàn thành (dự kiến Q4'09 hoàn thành). Trong năm các công ty trong ngành sẽ gặp nhiều khó khăn do các quyết định tăng giá nguyên, nhiên liệu đầu vào (than, điện v.v.). Tuy nhiên Tổng công ty xi măng Việt Nam và Công ty xi măng Bỉm Sơn sẽ có sự điều tiết giá hợp lý nhằm ổn định sản xuất kinh doanh của công ty cũng như của ngành xi măng. Với hoạt động sản xuất kinh doanh tốt, tiêu thụ ổn định, chúng tôi dự đoán Bỉm Sơn có thể hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009 mà công ty đã đề ra. Tuy nhiên nhà đầu tư cần lưu ý, vào Q4, nhà máy mới đi vào hoạt động, giá vốn hàng bán và chi phí tài chính sẽ tăng mạnh, kết quả lợi nhuận Q4 và năm 2009 sẽ không tốt như kết quả của Q1.

THÔNG TIN CƠ BẢN

- ✓ Sản phẩm và dịch vụ:
 - + Xi măng PCB30, PCB40, PC40
 - + Clinker
- ✓ Cơ cấu cổ đông:
 - + Tổng công ty xi măng Việt Nam: 73,1%
 - + Cổ đông khác: 26,9%
- ✓ Thị trường chính: Miền Bắc
- ✓ Thị phần trên toàn thị trường: 6,9%
- ✓ Các đối thủ cạnh tranh chính:
 - + Xi măng Bút Sơn, Hoàng Thạch v.v.
- ✓ Kế hoạch 2009:
 - + Sản lượng: 3.000.000 tấn
 - + Doanh thu: VND2.383.650 triệu
 - + Lợi nhuận: VND142.500 triệu

Ngày thực hiện: 20/05/2009

Kết quả kinh doanh tốt	Q1'09, BCC đạt doanh thu thuần VND560 tỷ, tăng 2,1% so với Q4'08 và tăng 21,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận ròng Q1'09 đạt VND75,27 tỷ tăng 28% so với Q4'08 và tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận ròng trong Q1'09 tăng chủ yếu do công ty đã tiết kiệm được chi phí bán hàng và chi phí quản lý. So với cùng kỳ năm trước, tổng các chi phí này giảm VND12 tỷ, chủ yếu do việc công ty dừng thực hiện khuyến mại cho khách hàng từ tháng 3/2009. Q1'09 là quý có lợi nhuận ròng lớn nhất từ trước đến nay đạt VND75,3 tỷ, bằng 52,8% kế hoạch lợi nhuận năm.
Nguồn tiêu thụ ổn định	Tính đến ngày 13/05/2009, công ty đã tiêu thụ được 1,1 triệu tấn xi măng, tương đương 37% kế hoạch năm (3 triệu tấn). Thị trường chính của Công ty là miền Bắc với 65% sản lượng tiêu thụ, miền Trung chiếm 28%, còn lại là tiêu thụ trong Tổng công ty xi măng và miền Nam. Đầu năm 2009, các đơn vị nhận làm đại lý phân phối xi măng Bim Sơn đã đăng ký khối lượng tiêu thụ trong năm 2009 là 3,25 triệu tấn. Điều này cho thấy nhu cầu của các nhà phân phối đối với xi măng Bim Sơn rất lớn.
Cử đoàn đại diện sang Lào tìm kiếm thị trường	Tháng 3/2009 CTCP xi măng Bim Sơn và Tổng công ty xi măng Việt Nam đã có đoàn đại diện sang Lào, tổ chức hội thảo giới thiệu sản phẩm xi măng của Việt Nam (chủ yếu là xi măng Bim Sơn) tại đây và tìm kiếm khách hàng. Theo chủ trương của Tổng Công ty xi măng Việt Nam, Bim Sơn vẫn sẽ tiếp tục tìm kiếm và khai thác thị trường này trong 2009 và các năm sắp tới. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ trong các năm qua của Bim Sơn tại thị trường này không đáng kể, từ 4.000 – 5.000 tấn/năm, việc tiêu thụ xi măng tại Lào cũng không mang lại nhiều lợi nhuận do chi phí vận chuyển lớn. Thị trường Lào không phải là thị trường mục tiêu của công ty trong thời gian tới.
Chạy thử dây chuyền đóng bao của dự án nhà máy xi măng mới	Dự án xây dựng nhà máy mới công suất 2 triệu tấn/năm được thực hiện từ ngày 09/01/2007, dự kiến bắt đầu hoạt động vào Q4'09. Trong Q1 công ty đã tổ chức nghiệm thu dây chuyền đóng bao số 2, trong tháng 4 dây chuyền đã được đưa vào vận hành. Các máy móc, thiết bị cần thiết cho nhà máy mới đã được mua về tập kết tại công ty hoặc đang trên đường về công ty, công tác lắp đặt cũng đang được tiến hành nhằm hoàn thành đúng tiến độ của dự án.
Dây chuyền sản xuất còn phải sửa chữa nhiều lần	CTCP xi măng Bim Sơn đang có 2 dây chuyền hoạt động là dây chuyền 1 (công suất 0,6 triệu tấn/năm) và dây chuyền 2 (công suất 1,2 triệu tấn/năm). Trong đó dây chuyền 1 đã cũ kỹ, thường xuyên phải dừng hoạt động để sửa chữa. Theo thông tin từ Tổng công ty xi măng Việt Nam, trong tháng 2 và tháng 4, dây chuyền 1 đã phải dừng sản xuất để sửa chữa trong vài ngày.
Một số điểm đáng chú ý trong BCTC Q1'09	<p>Giá trị hàng tồn kho lớn: Giá trị hàng tồn kho đến cuối Q1'09 là VND2.285,7 tỷ. trong đó có khoảng VND2.000 tỷ là giá trị máy móc, thiết bị, vật tư của nhà máy mới được hạch toán vào khoản mục "Nguyên vật liệu tồn kho", còn lại hơn VND200 tỷ là phần nguyên vật liệu hàng hoá phục vụ sản xuất xi măng.</p> <p>Khoản lỗ tỷ giá -VND138,6 tỷ: Là khoản lỗ tỷ giá trong năm 2008 nhưng chưa được hạch toán. Khoản lỗ này phát sinh từ khoản vay nợ EUR và USD (cuối 2008 dư nợ EUR110,66 triệu, USD38,63 triệu) mà công ty vay các ngân hàng để mua máy móc cho nhà máy mới. Bộ Tài chính đã chấp thuận cho Bim Sơn hạch toán khoản lỗ này trong các năm sau, khi nhà máy mới đi vào hoạt động, thời gian hạch toán là 5 năm. Kết quả kinh doanh Q1'09 chưa bị ảnh hưởng bởi khoản lỗ tỷ giá này.</p> <p>Chi phí tài chính Q1 là VND7,26 tỷ chưa bao gồm các chi phí tài chính (chi phí lỗ tỷ giá, chi phí lãi vay, chi phí khác) phát sinh từ dự án mới. Khi dự án</p>

đi vào hoạt động, ngoài chi phí tài chính tăng, chi phí khấu hao và các chi phí khác phát sinh cũng tăng đáng kể. Do đó nhà đầu tư lưu ý: Trong kết quả kinh doanh Q4, chi phí tài chính và giá vốn sẽ tăng lên đột biến, ***lợi nhuận Q4 và cả năm 2009 sẽ không được tốt như kết quả của Q1.***

Các chính sách của Chính phủ

Điều chỉnh tăng giá than và giá điện làm tăng gánh nặng chi phí sản xuất

Theo công văn số 13564/BTC-QLG của Bộ Tài chính về việc chấp thuận phương án đăng ký giá của Tập đoàn Than và khoáng sản (TKV), từ Q2'09, sẽ tăng dần giá bán than cho các hộ xi măng, giấy, phân bón, để đến cuối năm gần sát với giá thị trường. Hiện nay mức giá bán cho các hộ chỉ tương ứng từ 38% - 79%¹ so với giá trên thị trường. Như vậy năm 2009 các doanh nghiệp ngành xi măng sẽ chịu gánh nặng chi phí từ việc tăng giá bán than. Chi phí than cho các nhóm ngành này có thể tăng từ 1,27 – 2,63 lần so với hiện nay.

Theo Quyết định số 276/2006/QĐ ngày 04/12/2006 của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình tăng giá điện giai đoạn 2007 – 2010, giá điện trung bình từ 01/07/2008 là 890đ/kWh, từ năm 2010 giá bán lẻ điện được thực hiện trên cơ sở giá thị trường. Tuy nhiên do biến động tỷ giá, giá dầu, giá than, và một số hàng hóa khác đầu vào của sản xuất điện, đầu năm 2009 Bộ công thương đã trình Chính phủ tăng giá điện và đã được chấp thuận tăng bình quân 8,9%, áp dụng bắt đầu từ 01/03/2009. Việc tăng giá điện làm tăng chi phí sản xuất xi măng bình quân VND5.000 – VND7.000/tấn.

*Chỉ đạo tăng giá xi măng của Tổng Công ty xi măng Việt Nam
Và Quyết định giảm 50% thuế VAT áp dụng cho xi măng đủ bù đắp ảnh hưởng từ tăng giá than, điện*

Theo chỉ đạo của Tổng công ty xi măng Việt Nam 4 tháng đầu năm công ty đã tăng giá khoảng VND40.000/tấn sản phẩm bán ra. Ngày 16/04/2009 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 58 quy định thuế VAT áp dụng cho ngành hàng xi măng sẽ được giảm từ 10% xuống 5% từ ngày 1/5/2009 đến hết 31/12/2009. Tổng công ty xi măng quyết định cho phép công ty giữ nguyên mức giá dự tính bán ra cho khách hàng, do đó công ty đã nâng mức giá bán trước VAT lên để mức giá xuất kho tại nhà máy tương đương với giá trước khi thực hiện theo quyết định trên. Như vậy, tính đến nay giá bán ghi nhận vào doanh thu của công ty đã tăng khoảng VND70.000 - VND80.000/tấn so với cuối năm 2008. Việc tăng giá này đã bù đắp được các ảnh hưởng của các đợt tăng giá than, điện và các nguyên vật liệu khác từ đầu năm tới nay.

Nhận xét

Trong 4 tháng đầu năm, hoạt động sản xuất và tiêu thụ của Bim Sơn nhìn chung rất tốt, kết quả kinh doanh cao nhất trong các quý gần đây. Mặc dù chịu ảnh hưởng của tăng giá than, giá điện và một số nguyên vật liệu khác, nhưng bù lại, công ty đã có các đợt tăng giá hợp theo chỉ đạo của Tổng công ty và hưởng lợi từ quy định giảm thuế VAT của Chính phủ. Nếu không có biến động tăng giá đột ngột của than, điện và các nguyên vật liệu khác thì chúng tôi nhận định rằng Bim Sơn có khả năng hoàn thành & vượt các chỉ tiêu kinh doanh năm 2009.

Tin vắn

- Ngày 8/4/2009 Thủ tướng Chính phủ đồng ý việc sử dụng xi măng làm đường giao thông ở một số đoạn của dự án đường cao tốc Ninh Bình – Thanh Hóa, Tổng công ty xi măng Việt Nam sẽ làm chủ đầu tư thực hiện dự án. Dự án sẽ sử dụng xi măng của các đơn vị trong Tổng công ty.
- Ngày 16/04/2009 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 58 quy định thuế VAT áp dụng cho ngành hàng xi măng sẽ được giảm 50% từ ngày 1/5/2009 đến hết 31/12/2009.
- Từ 01/03/2009, giá điện cho sản xuất tăng bình quân 8,9%

¹ <http://dddn.com.vn/20081113095036663cat107/quy-ii2009-tang-gia-ban-than-cho-xi-mang-giay-va-phan-bon.htm>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh

Đơn vị: Triệu VND

Khoản mục	Q1'08	Q2'08	Q3'08	Q4'08	Q1'09
Tổng doanh thu	461.614	473.436	452.438	548.659	560.004
Doanh thu thuần	461.614	473.436	452.438	548.659	560.004
Giá vốn hàng bán	340.141	404.881	373.699	432.636	437.109
Lợi nhuận gộp	121.473	68.555	78.739	116.023	122.896
Thu nhập hoạt động tài chính	655	411	194	698	362
Chi phí tài chính	4.335	7.895	5.054	13.468	7.259
Chi phí lãi vay			5.054	13.468	7.259
LN thuần từ HĐ tài chính	-3.679	-7.483	-4.861	-12.770	-6.897
Chi phí bán hàng	27.544	812	14.711	32.134	18.771
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.712	17.813	18.072	19.379	22.403
LN thuần từ hoạt động SXKD	64.537	42.447	41.096	51.740	74.825
Thu nhập khác	1.682	3.739	3.454	11.090	2.592
Chi phí khác	1.928	2.082	1.656	4.020	2.145
LN khác	-246	1.657	1.798	7.070	447
Tổng LN trước thuế	64.292	44.105	42.894	58.810	75.272
Thuế TNDN					
Thu nhập ròng	64.292	44.105	42.894	58.810	75.272

Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: Triệu VND

Khoản mục	Q1'08	Q2'08	Q3'08	Q4'08	Q1'09
TÀI SẢN					
Tài sản ngắn hạn	2.346.133	2.304.028	2.561.840	2.747.071	2.737.009
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.129	26.383	22.137	84.828	84.826
Các khoản phải thu ngắn hạn	446.207	455.458	446.251	338.332	340.214
Hàng tồn kho	1.753.891	1.808.598	2.078.581	2.298.511	2.285.712
Tài sản ngắn hạn khác	8.907	13.589	14.871	25.401	26.258
Tài sản dài hạn	1.206.454	1.340.915	1.529.042	1.907.896	1.898.695
Tài sản cố định	1.201.454	1.335.778	1.523.608	1.902.395	1.893.675
TSCĐ hữu hình	787.963	752.403	718.996	700.171	690.873
TSCĐ vô hình	92.873	91.654	90.336	89.013	89.013
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	320.618	491.722	714.275	1.113.211	1.113.789
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
Tài sản dài hạn khác		137	435	501	19
TỔNG TÀI SẢN	3.552.588	3.644.942	4.090.882	4.654.966	4.635.704
NGUỒN VỐN					
Nợ phải trả	2.465.334	2.467.485	2.874.374	3.479.740	3.454.354
Nợ ngắn hạn	486.095	363.013	407.652	489.599	518.844
Nợ dài hạn	1.979.238	2.104.471	2.466.723	2.990.141	2.935.510
Vốn chủ sở hữu	1.087.254	1.177.458	1.216.508	1.175.227	1.181.350
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	900.000	956.614	956.614	956.614	956.614
Thặng dư vốn cổ phần		56.614	56.614	56.614	57.007
Vốn khác của chủ sở hữu				6.437	6.437
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-41.959	-41.959	-41.959	-138.604	-138.604
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	203.237	107.938	150.796	209.579	215.490
Các quỹ	25.976	98.251	94.443	84.587	84.406
TỔNG NGUỒN VỐN	3.552.588	3.644.942	4.090.882	4.654.966	4.635.704

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Đơn vị: Triệu VND

Khoản mục	Q1'08	Q2'08	Q3'08	Q4'08	Q1'09
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ SXKD					
Lợi nhuận trước thuế	64.292	44.105	42.894	58.810	75.272
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư (-)	3.925	5.826	-1.991	-7.768	-809
Chi phí lãi vay (+)			5.054	13.468	7.259
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	68.217	49.931	45.957	64.510	81.722
(-Tăng)/Giảm Tiền từ Tài sản ngắn hạn	-1.639.961	-1.590.938	-1.715.962	-1.499.106	-443.179
(-Tăng)/Giảm Các khoản phải thu	-161.636	-126.898	-105.167	12.986	88.642
(-Tăng)/Giảm Hàng tồn kho	-1.478.325	-1.464.040	-1.610.796	-1.512.092	-531.820
Tiền lãi vay đã trả (-)			-5.054	-13.468	-7.259
Tiền khác từ hoạt động kinh doanh (+)	-246	1.657	1.798	7.070	447
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ SXKD	-1.571.990	-1.539.350	-1.673.262	-1.440.994	-368.268
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
(-Tăng)/Giảm tiền đầu tư TSCĐ	-83.691	-222.590	-413.755	-817.665	-692.240
(-Tăng)/Giảm TSCĐ hữu hình	173.690	177.436	178.473	124.565	97.090
(-Tăng)/Giảm TSCĐ vô hình	22.387	22.037	21.786	5.170	3.860
(-Tăng)/Giảm chi phí XDDB dở dang	-279.793	-422.121	-613.814	-947.544	-793.171
(-Tăng)/Giảm TSCĐ khác	25	57	-201	143	-19
(-Tăng)/Giảm tiền đầu tư mua các công cụ nợ	-5.000	-5.000	-5.000		
(-Tăng)/Giảm tiền đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	5.000	5.000	5.000		
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia (+)	-3.679	-7.483	194	698	362
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	-87.371	-230.073	-413.562	-816.967	-691.879
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Tăng/(-Giảm) Nguồn vốn kinh doanh		113.228	113.228	119.665	120.058
Tăng/(-Giảm) Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	1.684.636	1.623.752	1.930.177	2.165.248	989.020
Tăng/(-Giảm) Vay và nợ ngắn hạn	176.629	86.288	153.102	178.552	32.748
Tăng/(-Giảm) Vay/Nợ dài hạn	1.508.006	1.537.463	1.777.075	1.986.696	956.272
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (-)	66.401	55.881	72.713	68.966	-4.589
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	1.751.036	1.792.861	2.116.118	2.353.880	1.104.489
Tăng/(-Giảm) tiền mặt trong kỳ	91.676	23.438	29.294	95.919	44.342
Tiền mặt đầu năm	82.194	39.686	29.584	85.554	137.129
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-36.741	-36.741	-36.741	-96.645	-96.645
Tiền mặt cuối kỳ	137.129	26.383	22.137	84.828	84.826

Các chỉ số tài chính cơ bản

Khoản mục	Đơn vị	Q1'08	Q2'08	Q3'08	Q4'08	Q1'09
Khả năng thanh toán hiện hành						
Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	4,83	6,35	6,28	5,61	5,28
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,22	1,36	1,19	0,92	0,87
Cơ cấu vốn						
Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0,69	0,68	0,70	0,75	0,75
Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,82	1,79	2,03	2,54	2,48
Hiệu suất hoạt động						
Vòng quay các khoản phải thu	Lần	4,51	4,38	4,63	5,48	5,17
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	1,23	1,26	1,15	1,01	0,82
Vòng quay vốn lưu động	Lần	1,51	1,45	1,35	1,21	1,00
Khả năng sinh lời						
Lợi nhuận ròng/ Doanh thu thuần	%	13,9%	9,3%	9,5%	10,7%	13,4%
Lợi nhuận ròng/ Tổng tài sản	%	6,4%	6,5%	6,4%	6,0%	5,4%
Lợi nhuận ròng/ Vốn chủ sở hữu	%	16,5%	16,4%	17,3%	19,1%	19,5%
Thu nhập						
Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu	đồng/cp	12.081	12.309	12.717	12.285	12.349
EPS	đồng/cp	1.903	1.862	2.027	2.196	2.311

Đỗ Hồng Điệp

Trưởng phòng phân tích

Email: diepdh@hbbs.com.vn**Đào Thị Thu Hằng**

Chuyên viên phân tích

Email: hangdtt@hbbs.com.vn**Phòng Phân tích**

Công ty Chứng khoán Habubank

Tầng 4B - 2C Vạn Phúc – Kim Mã – Ba Đình – Hà Nội

Tel: (+84) 04.3.726.2275

Fax: (+84) 04.3.726.2305

Điều khoản miễn trừ

Tài liệu này do Công ty Chứng Khoán Habubank ("Habubank Securities"), một công ty con trực thuộc Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội - Habubank phát hành. Các nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở các thông tin tin cậy, nhưng chúng tôi không có bất cứ cam kết hay đảm bảo gì đối với tính chính xác, hoàn chỉnh của các thông tin trong nghiên cứu này. Các quan điểm mà chúng tôi đưa ra có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tài liệu này được phục vụ mục đích lưu hành rộng rãi. Tất cả các khuyến nghị đưa ra trong tài liệu này đều không nhằm phục vụ các mục tiêu đầu tư cụ thể, hay nhu cầu riêng của bất kỳ người đọc cụ thể nào. Tài liệu này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, không nhằm thay đổi quyết định của người đọc. Các nhà đầu tư nên được tư vấn về tài chính và pháp luật để ra các quyết định đầu tư. Habubank Securities không chịu trách nhiệm đối với bất cứ thiệt hại trực tiếp hay gián tiếp phát sinh từ việc sử dụng hoặc liên quan đến tài liệu này theo bất cứ hình thức nào. Tài liệu này không phải là một lời đề nghị hay mời gọi mua bán bất cứ loại chứng khoán nào. Bất kỳ ai muốn biết thêm thông tin, kể cả việc làm rõ bất cứ chi tiết nào trong điều khoản miễn trừ này, hoặc muốn thực hiện giao dịch đối với bất cứ loại chứng khoán nào đã được đề cập trong tài liệu này vui lòng liên hệ với Habubank Securities để được phục vụ.

Tài liệu này là tài liệu bản quyền tác giả của Habubank Securities. Mọi sao chép trích dẫn thông tin phân tích trong tài liệu này phải trích dẫn nguồn từ Công ty Chứng Khoán Habubank.